

Bản án số: 16/2026/HS-ST

Ngày: 16/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Bản;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Tuấn Dũng.

2. Ông Hoàng Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Quỳnh Chi – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/TLST – HS ngày 08 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Văn P, sinh ngày 10/11/1997; Tên gọi khác: Không. Nơi đăng ký HK: xóm X, xã T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hoá lớp: 12 /12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1969; Con bà: Ngô Thị X, sinh năm 1970; Gia đình có 4 anh chị em, Bị cáo là con thứ 3; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2025 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Ngô Viết T1 – Luật sư công ty L1, đoàn luật sư thành phố H.

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Bị hại:**

1. Chị Dương Thị Kiều O, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường S, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ L, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ B, phường S, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị Đỗ Thị Hương T2, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ D, thị trấn Q, tỉnh Thái Nguyên

6. Chị Dương Thị H2, sinh năm 1997. Địa chỉ: Tổ L, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

7. Chị Phạm Thị Lan A, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ L, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

8. Chị Lại Thị Thanh H3, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm D, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

9. Chị Đồng Thị H4, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ C, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

10. Chị Chu Thị M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ F, phường S, tỉnh Thái Nguyên.

11. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xóm M, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

12. Chị Chu Thị H5, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ D, phường S, tỉnh Thái Nguyên.

13. Chị Đỗ Thị Thu H6, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ C, phường S, tỉnh Thái Nguyên.

14. Anh Đinh Văn V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Phố B, xã Y, tỉnh Ninh Bình.

15. Chị Trần Thị Lan H7, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm L, xã B, tỉnh Thái Nguyên.

16. Chị Hoàng Thị H8, sinh năm 1995. Địa chỉ: Tổ dân phố T, xã P, tỉnh Thái Nguyên.

17. Chị Nguyễn Thị Thu H9, sinh năm 1991. Địa chỉ: TDP K, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

(Tất cả các bị hại đều vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Văn T; sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn X, xã T, tỉnh Thanh Hóa.

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn P là chuyên viên tại Trung tâm tín chấp Ngân hàng TMCP V1 (Ngân hàng V2), địa chỉ: Số I, đường D, phường D, quận C, Hà Nội từ tháng 7/2022 đến tháng 10/2024. Khoảng tháng 6/2024, P đến Trường mầm non B, tỉnh Thái Nguyên để tư vấn mở thẻ tín dụng (thẻ chi tiêu trước trả tiền sau) cho các giáo viên trong trường.

Đến ngày 25/10/2024, P xin nghỉ làm tại Ngân hàng V2. Đến khoảng cuối tháng 11/2024, do nợ tiền của nhiều người, không có tiền để chi tiêu cá nhân và trả nợ, nên P đã nảy sinh ý định giả danh là nhân viên của Ngân hàng V2 đề nghị mở thẻ tín dụng cho các giáo viên rồi chiếm đoạt tiền trong thẻ tín dụng. Để thực hiện được ý định nêu trên, P đưa ra thông tin là “*Em phải hoàn thành KPI của Ngân hàng giao là mở chỉ tiêu thẻ tiêu dùng tín dụng nên em đến nhờ các chị mở giúp*”. Sau đó, P tư vấn cho các giáo viên là Ngân hàng có các loại thẻ: Thẻ tín dụng (Thẻ đi mua sắm tại các siêu thị, tạp hóa ... thì sẽ được hoàn tiền theo quy định tại Ngân hàng, có thời điểm sẽ được hoàn tiền 4%; 3% hoặc không hoàn tiền); Thẻ Shoppe (Thẻ mua sắm trên sàn thương mại S thì sẽ được nhiều mã giảm giá; mã hoàn tiền theo chính sách của Ngân hàng) và cũng tư vấn về các phần quà kèm theo nếu các cô giáo mở thẻ nêu trên thì sẽ được nhận các phần quà từ phía Ngân hàng V2 (Bộ N, bếp nướng, vali, bình giữ nhiệt, chăn...)

Tin tưởng P là nhân viên của Ngân hàng V2 và những gì P đưa ra là đúng sự thật nên các giáo viên đã đồng ý mở thẻ tín dụng. P đã kích hoạt các thẻ tín dụng xong thì P có gửi các phần quà cho những người mở thẻ tín dụng và tiếp tục đưa ra thông tin “*Nếu các chị không sử dụng thẻ tín dụng thì các chị cho em mượn thẻ để em thực hiện lệnh thẻ hiện các chị chi tiêu thì sẽ nhận được tiền hoàn từ phía Ngân hàng V3 có giá trị từ 200.000đ đến 300.000đ*”. Tin tưởng P nên các cô giáo đã giao thẻ tín dụng cho P tự thao tác. Với phương thức thủ đoạn như nêu trên, P đã chiếm đoạt được tổng số tiền 564.815.023 đồng của 17 bị hại là các giáo viên của Trường mầm non phường B, Trường tiểu học L2 thuộc tổ H phường S, tỉnh Thái Nguyên và 01 cán bộ điều dưỡng của Bệnh viện tâm thần tỉnh N, cụ thể:

1. Chị Dương Thị Kiều O (sinh năm 1993, trú tại: tổ dân phố X, phường S, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 12.421.450 đồng.
2. Chị Nguyễn Thị C (sinh năm 1989, trú tại: tổ dân phố K, phường B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 19.412.000 đồng.
3. Chị Ngô Thị H (sinh năm 1997, trú tại: Tổ L, phường B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 44.963.200 đồng.
4. Chị Nguyễn Thị Thu H1 (sinh năm 1986, trú tại: Tổ B, phường S, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 29.997.150 đồng.
5. Chị Đỗ Thị Hương T2 (sinh năm 1991, trú tại: tổ dân phố C, thị trấn Q, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 19.794.000 đồng.

6. Chị Dương Thị H2 (sinh năm 1997, trú tại: Tổ L, phường B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt 10.365.983 đồng.

7. Chị Phạm Thị Lan A (sinh năm 1991, trú tại: Tổ L, phường B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 60.490.327 đồng.

8. Chị Lại Thị Thanh H3 (sinh năm 1990, trú tại: Xóm D, xã V, Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 19.515.250 đồng.

9. Chị Đồng Thị H4 (sinh năm 1992, trú tại: Tổ C, phường B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 19.868.000 đồng.

10. Chị Trần Thị Lan H7 (sinh năm 1990, Trú tại: xóm L, xã B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 74.207.088 đồng.

11. Chị Chu Thị M (sinh năm 1980, trú tại: Tổ F, phường S, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 17.442.374 đồng.

12. Chị Nguyễn Thị T3 (sinh năm 1975, trú tại: Xóm M, phường B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt 18.771.161 đồng.

13. Chị Hoàng Thị H8 (sinh năm 1995, trú tại: Tổ dân phố T, xã P, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt 44.994.300 đồng.

14. Chị Đỗ Thị Thu H10 (sinh năm 1981, trú tại: Tổ C, phường S, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt 104.000.000 đồng.

15. Chị Chu Thị H5 (sinh năm 1987, trú tại: Tổ D, phường S, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt: 18.577.275 đồng.

16. Chị Nguyễn Thị Thu H9 (sinh năm 1991, trú tại: TDP K, phường B, tỉnh Thái Nguyên) bị chiếm đoạt 19.995.466 đồng.

17. Anh Đinh Văn V (sinh năm 1988, trú tại: Phố B, thị trấn Y, tỉnh Ninh Bình) bị chiếm đoạt 30.000.000 đồng.

Ngày 24/4/2025, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T đã tiến hành khám xét chỗ ở đối với Hoàng Văn P, kết quả: Không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra Hoàng Văn P giao nộp đồ vật, tài liệu gồm:

Tại phần mềm Zalo trên điện thoại có tên là “Hoàng P” và có dòng chữ “Hỗ trợ vay vốn Ngân hàng 0813646789”, ảnh đại diện là Hoàng Văn P mặc áo sơ mi dài tay màu trắng.

Tại phần tin nhắn trên điện thoại có nhiều tin nhắn trao đổi mở thẻ tín dụng, trao đổi nhận quà sau khi mở thẻ; hoàn tiền sau khi mở thẻ tín dụng; yêu cầu đề nghị đóng thẻ tín dụng khi thấy dư nợ của Hoàng Văn P với các tài khoản “Chi Chang Bach Q”; “Kiều Oanh”; “Nguyen thi thu hiền – Bách Quang”; “Đỗ Thom”; “Thu Huyền”; “L hương – bách quang”; “Chị huyền cần – bách quang”; “Chị H5 – trường học”; “Dương Hợi”; “Thu Sĩ Chấn Ga Gôi Đ”.

Quá trình điều tra vụ án nêu trên các bị hại có cung cấp cho Cơ quan CSĐT nội dung tin nhắn ZALO giữa Hoàng Văn P với các bị hại có nhiều tin nhắn nói

về việc được hoàn tiền, tặng quà, các hình ảnh quà là các mặt hàng gia dụng (Bếp nôi, bếp nướng, vali, bình giữ nhiệt, chăn...); “*Các chị em đều làm trắng thẻ để được miễn phí thường niên*” và các tin nhắn các bị hại phát hiện P chiếm đoạt tiền trong các tài khoản tín dụng của mình nên yêu cầu P phải hoàn lại tiền và đóng tài khoản lại .

Tại cơ quan điều tra, Hoàng Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị hại và tài liệu đã thu thập được trong quá trình điều tra.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi bị phát hiện việc tự ý rút tiền tại các tài khoản thẻ tín dụng, khoản vay của các bị hại thì Hoàng Văn P và ông Hoàng Văn T (là bố đẻ) của bị cáo đã khắc phục, bồi thường cho các bị hại tổng số tiền **439.587.659**, cụ thể: Chị Dương Thị Kiều O: 12.400.000 đồng, chị Nguyễn Thị C 19.412.000 đồng, chị Ngô Thị H 44.963.200 đồng, chị Nguyễn Thị Thu H1 29.997.150 đồng, chị Đỗ Thị Hương T2 19.648.100 đồng, chị Dương Thị H2 10.366.000 đồng, chị Phạm Thị Lan A 60.007.150 đồng, chị Lại Thị Thanh H3 19.500.000 đồng, chị Đồng Thị H4: 19.990.250 đồng, chị Trần Thị Lan H7 74.220.080 đồng, chị Chu Thị M 18.462.000 đồng, chị Nguyễn Thị T3 19.000.000 đồng, chị Đỗ Thị Thu H10 37.428.000đồng, chị Chu Thị H5 19.205.729 đồng, chị Nguyễn Thị Thu H9 19.988.000đồng và anh Đinh Văn V 15.000.000 đồng.

Hiện còn bị hại chị Hoàng Thị H8 yêu cầu bị can P phải bồi thường số tiền 65.244.300 đồng (Bao gồm cả tiền lãi và tiền gốc khoản tín dụng mà bị can P đã chiếm đoạt); Anh Đinh Văn V yêu cầu bị can P phải bồi thường số tiền 15.624.534 đồng; Chị Đỗ Thị Thu H10 đề nghị bị can P phải bồi thường số tiền 66.572.000 đồng.

Toàn bộ số tiền trên của 03 bị hại trong giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình cáo đã bồi thường toàn bộ các bị hại đều nhất trí không có yêu cầu xem xét giải quyết.

Đối với các bị hại còn lại không yêu cầu đề nghị bị can P phải khắc phục, bồi thường khoản tiền nào khác và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo (BL: 667-692).

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt được bị cáo đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân hết,

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô, BKS: 36F1-334.19, nhãn hiệu Honda, số loại: WAVE RSX, màu sơn: xanh đen; số máy: JA38E-0387885, tình trạng: cũ, xước, đã qua sử dụng.

- Thẻ tín dụng V2+ số 5239 7579 1874 0835 mang tên “NGUYEN T THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 02/30;

- Thẻ tín dụng V2+ số 5239 7579 0045 9436 mang tên “TRAN THI LAN HUONG”, thời hạn thẻ: 12/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0121 0014 mang tên “DUONG THI HUONG THOM”, thời hạn thẻ: 08/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0862 9570 mang tên “LAI THI THANH HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0232 0853 mang tên “NGUYEN THI THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0511 0798 mang tên “DONG THI HAI”, thời hạn thẻ: 08/29;
 - 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng.
 - 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).
- Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị C giao nộp 06 thẻ tín dụng, gồm:
- Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0763 2013 mang tên “CHU THI MINH”, thời hạn thẻ: 08/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 5203 9967 1538 4809 mang tên “DUONG THI KIEU OANH”, thời hạn thẻ: 06/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0934 4922 mang tên “NGUYEN THI CHANG”, thời hạn thẻ: 08/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0266 9416 mang tên “NGUYEN THI THU”, thời hạn thẻ: 08/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 9624 6614 mang tên “PHAM THI LAN ANH”, thời hạn thẻ: 12/29;
 - Thẻ tín dụng V2 số 4198 3499 5322 6128 mang tên “DUONG THI HOI”, thời hạn thẻ: 12/29;

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKSTN-P2, ngày 07/01/2026 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Văn P về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt bị cáo từ 09 năm đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng là phương tiện, công cụ phạm tội.

- Tạm giữ: 01 xe mô tô, nhãn hiệu HONDA Wave RSX, đã qua sử dụng, biển kiểm soát 36F1-334.19 để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho các bị hại: 12 thẻ tín dụng

- + Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 1874 0835 mang tên “NGUYEN T THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 02/30;

- + Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 0045 9436 mang tên “TRAN THI LAN HUONG”, thời hạn thẻ: 12/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0121 0014 mang tên “DUONG THI HUONG THOM”, thời hạn thẻ: 08/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0862 9570 mang tên “LAI THI THANH HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0232 0853 mang tên “NGUYEN THI THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0511 0798 mang tên “DONG THI HAI”, thời hạn thẻ: 08/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0763 2013 mang tên “CHU THI MINH”, thời hạn thẻ: 08/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 5203 9967 1538 4809 mang tên “DUONG THI KIEU OANH”, thời hạn thẻ: 06/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0934 4922 mang tên “NGUYEN THI CHANG”, thời hạn thẻ: 08/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0266 9416 mang tên “NGUYEN THI THU”, thời hạn thẻ: 08/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 9624 6614 mang tên “PHAM THI LAN ANH”, thời hạn thẻ: 12/29;

- + Thẻ tín dụng V2 số 4198 3499 5322 6128 mang tên “DUONG THI HOI”, thời hạn thẻ: 12/29; Quản lý sử dụng.

- Tiền Việt Nam đồng: 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Hoàn trả cho bị cáo vì đã hoàn thành trách nhiệm dân sự.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư không bổ sung gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa vắng mặt các bị hại tuy nhiên những người này đã có lời khai thể hiện rõ quan điểm tại cơ quan điều tra, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nội dung đơn đã thể rõ quan điểm không có ý kiến gì khác ngoài nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt những người này.

[2]. Căn cứ vào lời khai của bị cáo, của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do nợ tiền của nhiều người, không có tiền để chi tiêu cá nhân nên vào khoảng cuối tháng 11/2024 Hoàng Văn P không phải là nhân viên của ngân hàng V2 nhưng P vẫn mạo danh là cán bộ của ngân hàng hướng dẫn cho 17 người mở thẻ tín dụng. Sau đó, P mượn lại thẻ tín dụng hoặc tự thao tác để chiếm đoạt tiền trong tài khoản của 17 bị hại là các giáo viên của Trường mầm non B; Trường tiểu học L2 thuộc phường S, tỉnh Thái Nguyên và anh Đinh Văn V (cán bộ Bệnh viện T) chiếm đoạt tổng số tiền 564.815.023 đồng.

Với hành vi nêu trên, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo về tội: “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung các Điều luật quy định như sau:

1. Người nào sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông hoặc phương tiện điện tử thực hiện một trong những hành vi sau đây, nếu không thuộc một trong

các trường hợp quy định tại Điều 173 và Điều 174 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, Sử dụng thông tin về tài khoản, thẻ ngân hàng của cơ quan, tổ chức, cá nhân để chiếm đoạt tài sản của chủ tài khoản, chủ thẻ hoặc thanh toán hàng hoá, dịch vụ;

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

a, Chiếm đoạt tài sản có trị giá 500.000.000 đồng trở lên;”

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ việc thực hiện hành vi nêu trên là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi cá nhân nên dẫn đến phạm tội, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã phối hợp, tác động gia đình, người thân bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại; Cơ bản các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Bị cáo có ông nội Hoàng Văn H11 được tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng ba, bà nội Cao Thị M1 được tặng bằng khen của chủ tịch UBND tỉnh T, bà ngoại Hoàng Thị D được chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhất, bà ngoại Trịnh Thị T4 được tặng Huy chương kháng chiến Hạng Nhì, ông ngoại Ngô Doãn Xuân được chủ tịch UBND tỉnh T tặng bằng khen vì đã có thành tích trong cuộc chống Mỹ cứu nước. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b; s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 290 Bộ luật Hình sự thì bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền tuy nhiên bị cáo không có tài sản riêng, sống phụ thuộc gia đình nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ quyết định hình phạt: Xét thấy mặc dù bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại sát mức khởi điểm khung hình phạt bị truy tố nên có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt

đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh điều luật áp dụng, mức hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo cùng gia đình đã khắc phục xong các bị hại không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra thu giữ một số thẻ tín dụng của các bị hại; tuy nhiên đây là tài sản của các bị hại nên cần trả lại cho các bị hại quản lý sử dụng.

+ Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 1874 0835 mang tên “NGUYEN T THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 02/30;

+ Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 0045 9436 mang tên “TRAN THI LAN HUONG”, thời hạn thẻ: 12/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0121 0014 mang tên “DUONG THI HUONG THOM”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0862 9570 mang tên “LAI THI THANH HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0232 0853 mang tên “NGUYEN THI THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0511 0798 mang tên “DONG THI HAI”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0763 2013 mang tên “CHU THI MINH”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 5203 9967 1538 4809 mang tên “DUONG THI KIEU OANH”, thời hạn thẻ: 06/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0934 4922 mang tên “NGUYEN THI CHANG”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0266 9416 mang tên “NGUYEN THI THU”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 9624 6614 mang tên “PHAM THI LAN ANH”, thời hạn thẻ: 12/29;

+ Thẻ tín dụng V2 số 4198 3499 5322 6128 mang tên “DUONG THI HOI”, thời hạn thẻ: 12/29;

Đối với số tiền 110 triệu đồng bị cáo nộp tại cơ quan điều tra xác định bị cáo vay mượn để bồi thường khắc phục hậu quả; Tuy nhiên tại thời điểm xét xử các bị hại đã được bồi thường xong nên cần trả lại cho gia đình bị cáo số tiền trên.

Đối với 01 xe mô tô, thu giữ của bị cáo xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo quản lý, sử dụng. Tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Promax thu giữ của bị cáo xác định trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có sử dụng làm công cụ, phương tiện nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn P phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”

1. Về hình phạt:

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 290, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn P **09 (C1)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/4/2025.

2. Vật chứng vụ án:

2.1. Trả lại cho các bị hại (theo bì niêm phong ký hiệu B):

+ Trần Thị Lan H7 Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 0045 9436 mang tên “TRAN THI LAN HUONG”, thời hạn thẻ: 12/29;

+ Đỗ Thị Hương T2 Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0121 0014 mang tên “DUONG THI HUONG THOM”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Lại Thị Thanh Huyền Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0862 9570 mang tên “LAI THI THANH HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Nguyễn Thị Thu H1 Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0232 0853 mang tên “NGUYEN THI THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 08/29; Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 1874 0835 mang tên “NGUYEN T THU HUYEN”, thời hạn thẻ: 02/30;

+ Đồng Thị Hải Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0511 0798 mang tên “DONG THI HAI”, thời hạn thẻ: 08/29;

2.2. Trả lại cho các bị hại (theo bì niêm phong ký hiệu C):

+ Chu Thị Minh Thẻ tín dụng V2 số 3567 7200 0763 2013 mang tên “CHU THI MINH”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Dương Thị Kiều Oanh Thẻ tín dụng V2 số 5203 9967 1538 4809 mang tên “DUONG THI KIEU OANH”, thời hạn thẻ: 06/29;

+ Nguyễn Thị Chang T5 tín dụng V2 số 3567 7200 0934 4922 mang tên “NGUYEN THI CHANG”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Nguyễn Thị Thu T6 tín dụng V2 số 3567 7200 0266 9416 mang tên “NGUYEN THI THU”, thời hạn thẻ: 08/29;

+ Phạm Thị Lan A Thẻ tín dụng V2 số 5239 7579 9624 6614 mang tên “PHAM THI LAN ANH”, thời hạn thẻ: 12/29;

+ Dương Thị H2 Thẻ tín dụng V2 số 4198 3499 5322 6128 mang tên “DUONG THI HOI”, thời hạn thẻ: 12/29;

2.3. Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, đã qua sử dụng.

2.4. Trả lại cho bị cáo số tiền 110.000.000đ (*Một trăm mười triệu đồng*), (số tiền theo Ủy nhiệm chi số 1 ngày 07/01/2026).

2.5. Tạm giữ 01 xe mô tô loại xe hai bánh từ 50-175cm³; nhãn hiệu HONDA; số loại: Wave RSX; đã qua sử dụng, biển kiểm soát 36F1-334.19; màu sơn đen xanh; số máy: JA38E0387885; số khung: RLHJA3829GY177196; dung tích xi lanh: 109.1cm³ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản về việc giao nhận vật chứng số 34 ngày 09/01/2026 giữa Cơ quanĐT Công an tỉnh T với Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên; Ủy nhiệm chi số 1 ngày 07/01/2026)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm 1;
- Viện phúc thẩm 1;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu: HS vụ án, Tòa Hình sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Bản

